TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-06-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên toà:*** *Không*.

Ngày 28 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 372/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh S, vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 195. Nơi cư trú: Ấp S1, xã S2, huyện B (nay là phường S2, thị xã B), tỉnh An Giang, vắng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Đ trình bày:

Chị Đ và anh H tiến đến hôn nhân, ngày 21/5/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S2, huyện B (nay là phường S2, thị xã B), tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, chị Đ và anh H sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, lúc chị Đ sinh con, anh H không quan tâm chăm lo cho gia đình và tiếp chị chăm sóc con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh H không thay đổi. Mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/08/2018 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/03/2020, hiện các con đang sống cùng với Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 27/12/2022, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Anh H và chị Đ và tiến đến hôn nhân, ngày 21/05/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S2, huyện B, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị Đ xin ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/08/2018 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/03/2020, hiện các con đang sống cùng với chị Đ. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao các con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đ và bị đơn anh H vắng mặt (chị Đ và anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị Đ và anh H sống ly thân nhau. Nhận thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình thể hiện qua việc anh H không tham các phiên hòa giải, thể hiện qua việc anh H không quan tâm đến việc chị Đ xin ly hôn. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân

không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đ xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Đ và anh H có hai con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/08/2018 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/03/2020, hiện đang chung sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con thì anh H đồng ý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai đứa con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung: chị Đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện B, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Đ và bị đơn anh H (chị Đ và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ với anh H được xác lập trong năm 2018, sau ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H xác lập năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã S2, huyện B, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự thì tình trạng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện đang sống ly thân với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa chị Đ, anh H đã không còn sống chung với nhau, do bất đồng trong quan điểm sống hôn nhân. Mặc khác, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh H không có thiện chí đến Toà án để hòa giải đoàn tụ gia đình

mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Điều đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Đ với anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đ khởi kiện xin ly hôn, anh H đồng ý là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị Đ, anh H có hai con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/8/2018 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/3/2020, đang sống cùng với chị Đ. Khi ly hôn, các đương sự thống nhất giao hai đứa con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó, để ổn định mọi mặt của con chưa thành niên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai đứa con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình quy định:

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H người không trực tiếp nuôi con không tự nguyện cấp dưỡng; về tài sản chung: chị Đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Đ là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn với số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*);

- Bị đơn anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 8, 9, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim Đ được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 21/5/2018 của Uỷ ban nhân dân xã S2, huyện B (nay là phường S2, thị xã B), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/8/2018 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/3/2020 cho chị Huỳnh Thị Kim Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hữu H không trực tiếp nuôi con nhưng được đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: chị Huỳnh Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008896, ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (nay là thị xã Tịnh Biên).

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thị hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thị hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ.

Châu Nam Phú